

HỒ SƠ TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ

(Biểu dành cho đối tượng thôi việc ngay sử dụng Phụ lục I Nghị định 135/2020/NĐ-CP)

1	Họ và tên:	HOÀNG QUỐC HƯỞNG				Giới tính	Nam		
2	Trình độ, chuyên ngành đào tạo:	Cao đẳng sư phạm Tiểu học							
3	Chức danh, Chức vụ, đơn vị công tác:	Giáo viên Trường Tiểu học Lương Năng							
4	Ngày tháng năm sinh:	10-10-1973							
5	Số năm đóng BHXH:	28	năm	7	tháng;	Tính tròn:	29		
6	Thời điểm nghỉ TGBC:					01-07-2024	Đủ tuổi thôi việc ngay		
7	Thời điểm nghỉ hưu đúng tuổi:					01-11-2035			
8	Số tuổi thấp hơn tuổi nghỉ hưu	11	Năm	4	Tháng				
9	Tiền lương 60 tháng thực lĩnh trước khi tính giảm								

TT	Ngày tháng năm	Hệ số lương	Phụ cấp				Số tháng hưởng	Lương tối thiểu (1000 đồng)	Số tiền thực lĩnh/tháng (1000 đồng)	Tiền lương 5 năm cuối
			Chức vụ	Hệ số chênh lệch BL	Thâm niên vượt	Thâm niên nghề				
1	01-07-2023	4,58					12	1800	8.244,000	98.928,000
2	01-05-2023	4,58					2	1490	6.824,200	13.648,400
3	01-05-2020	4,27					36	1490	6.362,300	229.042,800
4	01-07-2019	3,96					10	1490	5.900,400	59.004,000
	Cộng						60			400.623,200
	Tiền lương tháng hiện hưởng						8.244,000	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, được cơ quan bố trí việc làm khác nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tính giảm biên chế và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý, theo điểm d khoản 1 Điều 2 của NĐ 29/2023/NĐ-CP		
	Tiền lương bình quân						6.677,000			
I	KINH PHÍ TÍNH GIẢM						315.182,000			
1	3 tháng tiền lương hiện hưởng						24.732,000			
2	1,5 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc						290.450,00			
	SỐ TIỀN CÁ NHÂN HƯỞNG						315.182,000			

HỒ SƠ TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ

(Biểu dành cho đối tượng thôi việc ngay sử dụng Phụ lục I Nghị định 135/2020/NĐ-CP)

1	Họ và tên:	HOÀNG MINH THẾP				Giới tính	Nam		
2	Trình độ, chuyên ngành đào tạo:	Trung cấp sư phạm 9+3							
3	Chức danh, Chức vụ, đơn vị công tác:	Nhân viên Trường PTDTBTTH&THCS Đầm He							
4	Ngày tháng năm sinh:	07-12-1974							
5	Số năm đóng BHXH:	26	năm	7	tháng;	Tính tròn:	27		
6	Thời điểm nghỉ TGBC:					01-07-2024		Đủ tuổi thôi việc ngay	
7	Thời điểm nghỉ hưu đúng tuổi:					01-01-2037			
8	Số tuổi thấp hơn tuổi nghỉ hưu	12	Năm	6	Tháng				
9	Tiền lương 60 tháng thực lĩnh trước khi tính giảm								

TT	Ngày tháng năm	Hệ số lương	Phụ cấp				Số tháng hưởng	Lương tối thiểu (1000 đồng)	Số tiền thực lĩnh/tháng (1000 đồng)	Tiền lương 5 năm cuối
			Chức vụ	Hệ số chênh lệch BL	Thâm niên vượt	Thâm niên nghề				
1	01-12-2023	4,06			6%		7	1800	7.746,480	54.225,360
2	01-07-2023	4,06			5%		5	1800	7.673,400	38.367,000
3	01-12-2022	4,06			5%		7	1490	6.351,870	44.463,090
4	01-12-2020	4,06					24	1490	6.049,400	145.185,600
5	01-07-2019	3,86					17	1490	5.751,400	97.773,800
	Cộng						60			380.014,850
	Tiền lương tháng hiện hưởng							7.746,000	Lý do: Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc được cơ quan bố trí việc làm khác nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tính giảm biên chế và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý	
	Tiền lương bình quân							6.334,000		
I	KINH PHÍ TÍNH GIẢM							279.765,000		
1	3 tháng tiền lương hiện hưởng							23.238,000		
2	1,5 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc							256.527,00		
	SỐ TIỀN CÁ NHÂN HƯỞNG							279.765,000		

HỒ SƠ TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ

(Biểu dành cho đối tượng thôi việc ngay sử dụng Phụ lục I Nghị định 135/2020/NĐ-CP)

1	Họ và tên:	HỨA THỊ QUYÊN				Giới tính	Nữ			
2	Trình độ, chuyên ngành đào tạo:	Trung cấp sư phạm tiểu học								
3	Chức danh, Chức vụ, đơn vị công tác:	Giáo viên Trường PTDTBT Tiểu học 1 Tri Lễ								
4	Ngày tháng năm sinh:	05-05-1972								
5	Số năm đóng BHXH:	30	năm	11	tháng;	Tính tròn:	31			
6	Thời điểm nghỉ TGBC:				01-07-2024					
7	Thời điểm nghỉ hưu đúng tuổi:				01-10-2030					
8	Số tuổi thấp hơn tuổi nghỉ hưu	6	Năm	3	Tháng	Đủ tuổi thôi việc ngay				
9	Tiền lương 60 tháng thực lĩnh trước khi tính giảm									

TT	Ngày tháng năm	Hệ số lương	Phụ cấp				Số tháng hưởng	Lương tối thiểu (1000 đồng)	Số tiền thực lĩnh/tháng (1000 đồng)	Tiền lương 5 năm cuối	
			Chức vụ	Hệ số chênh lệch BL	Thâm niên vượt khung	Thâm niên nghề					
1	01-10-2023	4,06			10%		9	1800	8.038,800	72.349,200	
2	01-07-2023	4,06			9%		3	1800	7.965,720	23.897,160	
3	01-10-2022	4,06			9%		9	1490	6.593,846	59.344,614	
4	01-10-2021	4,06			8%		12	1490	6.533,352	78.400,224	
5	01-10-2020	4,06			7%		12	1490	6.472,858	77.674,296	
6	01-10-2019	4,06			6%		12	1490	6.412,364	76.948,368	
7	01-07-2019	4,06			5%		3	1490	6.351,870	19.055,610	
	Cộng						60			407.669,472	
	Tiền lương tháng hiện hưởng							8.039,000	Lý do: Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm khác nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tính giảm biên chế và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý, theo điểm d khoản 1 điều 2 của nghị định số 29/2023/NĐ-CP		
	Tiền lương bình quân							6.794,000			

I	KINH PHÍ TÍNH GIẢM				340.038,000
1	3 tháng tiền lương hiện hưởng				24.117,000
2	1,5 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc				315.921,00
	SỐ TIỀN CÁ NHÂN HƯỞNG				340.038,000

HỒ SƠ TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ

(Biểu dành cho đối tượng thôi việc ngay sử dụng Phụ lục I Nghị định 135/2020/NĐ-CP)

1	Họ và tên:	HOÀNG THỊ LINH				Giới tính		Nữ		
2	Trình độ, chuyên ngành đào tạo:	Trung cấp sư phạm Mầm non								
3	Chức danh, Chức vụ, đơn vị công tác:	Giáo viên Trường Mầm non Lương Năng								
4	Ngày tháng năm sinh:	03-10-1973								
5	Số năm đóng BHXH:	29 năm		9 tháng;		Tính tròn:		30		
6	Thời điểm nghỉ TGBC:				01-07-2024			Đủ tuổi thôi việc ngay		
7	Thời điểm nghỉ hưu đúng tuổi:				01-11-2032					
8	Số tuổi thấp hơn tuổi nghỉ hưu	8		Năm		4		Tháng		
9	Tiền lương 60 tháng thực lĩnh trước khi tính giản									

TT	Ngày tháng năm	Hệ số lương	Phụ cấp				Số tháng hưởng	Lương tối thiểu (1000 đồng)	Số tiền thực lĩnh/tháng (1000 đồng)	Tiền lương 5 năm cuối
			Chức vụ	Hệ số chênh lệch BL	Thâm niên vượt khung	Thâm niên nghề				
1	01-09-2023	4,06			9%	28%	10	1800	10.196,122	101.961,216
2	01-07-2023	4,06			8%	27%	2	1800	10.023,653	20.047,306
3	01-09-2022	4,06			8%	27%	10	1490	8.297,357	82.973,570
4	01-09-2021	4,06			7%	26%	12	1490	8.155,801	97.869,613
5	01-09-2020	4,06			6%	25%	12	1490	8.015,455	96.185,460
6	01-09-2019	4,06			5%	24%	12	1490	7.876,319	94.515,826
7	01-07-2019	4,06				23%	2	1490	7.440,762	14.881,524
	Cộng						60			508.434,515
	Tiền lương tháng hiện hưởng							10.196,000	Lý do: Năm trước liền kề xét tính giản biên chế được đánh giá, xếp loại ở mức hoàn thành trở xuống, các nhân tự nguyện thực hiện tính giản biên chế và được cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý trực tiếp đồng ý theo điều 2 khoản 1 điểm đ của ND /29/2023/NĐ-CP	
	Tiền lương bình quân							8.474,000		
I	KINH PHÍ TÍNH GIẢN							411.918,000		
1	3 tháng tiền lương hiện hưởng							30.588,000		
2	1,5 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc							381.330,00		
	SỐ TIỀN CÁ NHÂN HƯỞNG							411.918,000		

HỒ SƠ TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ
(Biểu dành cho đối tượng thôi việc ngay sử dụng Phụ lục I Nghị định 135/2020/NĐ-CP)

1	Họ và tên:	NÔNG THỊ HÀ				Giới tính	Nữ		
2	Trình độ, chuyên ngành đào tạo:	Trung cấp sư phạm Mầm non							
3	Chức danh, Chức vụ, đơn vị công tác:	Giáo viên Trường Mầm non Liên Hội							
4	Ngày tháng năm sinh:	04-08-1973							
5	Số năm đóng BHXH:	28	năm	9	tháng;	Tính tròn:	29		
6	Thời điểm nghỉ TGBC:			01-07-2024		Đủ tuổi thôi việc ngay			
7	Thời điểm nghỉ hưu đúng tuổi:			01-09-2032					
8	Số tuổi thấp hơn tuổi nghỉ hưu	8	Năm	2	Tháng				
9	Tiền lương 60 tháng thực lĩnh trước khi tinh giản								

TT	Ngày tháng năm	Hệ số lương	Phụ cấp				Số tháng hưởng	Lương tối thiểu (1000 đồng)	Số tiền thực lĩnh/tháng (1000 đồng)	Tiền lương 5 năm cuối
			Chức vụ	Hệ số chênh lệch BL	Thâm niên vượt khung	Thâm niên nghề				
2	01-04-2024	4,06			9%	28%	3	1800	10.196,122	30.588,365
3	01-07-2023	4,06			8%	27%	9	1800	10.023,653	90.212,875
4	01-04-2023	4,06			8%	27%	3	1490	8.297,357	24.892,071
5	01-04-2022	4,06			7%	26%	12	1490	8.155,801	97.869,613
6	01-04-2021	4,06			6%	25%	12	1490	8.015,455	96.185,460
7	01-08-2020	4,06			5%	24%	8	1490	7.876,319	63.010,550
8	01-04-2020	4,06	0,15		5%	24%	4	1490	8.153,459	32.613,835
9	01-09-2019	4,06	0,15			23%	7	1490	7.715,667	54.009,669
10	01-07-2019	4,06				23%	2	1490	7.440,762	14.881,524
	Cộng						60			504.263,963
	Tiền lương tháng hiện hưởng							10.196,000	Lý do: Năm trước liền kê xét tinh giản biên chế được đánh giá, xếp loại ở mức hoàn thành trở xuống, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý trực tiếp đồng ý theo điểm đ khoản 1 Điều 2 của ND /29/2023/NĐ-CP	
	Tiền lương bình quân							8.404,000		
I	KINH PHÍ TÍNH GIẢN							396.162,000		
1	3 tháng tiền lương hiện hưởng							30.588,000		
2	1,5 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc							365.574,000		
	SỐ TIỀN CÁ NHÂN HƯỞNG							396.162,000		

HỒ SƠ TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ

(Biểu dành cho đối tượng nghỉ hưu trước tuổi làm công việc trong điều kiện BT, có đủ 20 năm đóng BHXH)

1	Họ và tên:	NÔNG THỊ NGHĨA					Giới tính		Nữ		
2	Trình độ, chuyên ngành đào tạo:	Cao đẳng sư phạm Tiểu học									
3	Chức danh, Chức vụ, đơn vị công tác:	Giáo viên - Trường Tiểu học 1 Thị Trấn Văn Quan									
4	Ngày tháng năm sinh:	30-03-1971									
5	Số năm đóng BHXH:	31 năm		9		tháng;		Tính tròn:		32	
6	Thời điểm nghỉ TGBC:						01-07-2024		Trong khung NHTT và được hỗ trợ kinh phí		
7	Thời điểm nghỉ hưu đúng tuổi:						01-12-2028				
7	Số năm nghỉ hưu trước tuổi:	4		Năm		5		tháng			
8	Số tháng lương được trợ cấp:	13,5									
9	Số năm đóng BHXH vượt 21 năm						12				
10	Tiền lương 60 tháng thực lĩnh trước khi tính giản										

TT	Ngày tháng năm	Hệ số lương	Phụ cấp				Số tháng hưởng	Lương tối thiểu (1000 đồng)	Số tiền thực lĩnh/tháng (1000 đồng)	
			Chức vụ	Hệ số chênh lệch BL	Thâm niên vượt khung	Thâm niên nghề				
1	01-06-2024	4,89	0,20		7%	30%	1	1800	12.711,582	12.712,000
2	01-10-2023	4,89	0,20		6%	30%	8	1800	12.597,156	100.777,000
3	01-09-2023	4,89	0,15		6%	29%	1	1800	12.384,155	12.384,000
4	01-07-2023	4,89			6%	29%	2	1800	12.035,855	24.072,000
5	01-06-2023	4,89			6%	29%	1	1490	9.963,013	9.963,000
6	01-10-2022	4,89			5%	29%	8	1490	9.869,022	78.952,000
7	01-06-2022	4,89			5%	28%	4	1490	9.792,518	39.170,000
8	01-10-2021	4,89				28%	8	1490	9.326,208	74.610,000
9	01-09-2021	4,89				27%	1	1490	9.253,347	9.253,000
10	01-10-2020	4,89	0,20			27%	11	1490	9.631,807	105.950,000
11	01-10-2019	4,89	0,20			26%	12	1490	9.555,966	114.672,000
12	01-08-2019	4,89	0,20			25%	2	1490	9.480,125	18.960,000
13	01-07-2019	4,89	0,15			25%	1	1490	9.387,000	9.387,000
	Cộng						60			610.862,000
	Tiền lương tháng hiện hưởng							12.712,000	Lý do: Năm trước liền kề xét tính giản biên chế được đánh giá, xếp loại ở mức hoàn thành nhiệm vụ trở xuống, cá nhân tự nguyện thực hiện tính giản biên chế và được cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý trực tiếp đồng ý	
	Tiền lương bình quân							10.181,000		
1	KINH PHÍ TÍNH GIẢN							249.435,000		
1	3 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm NHTT							137.444,000		
2	5 tháng tiền lương bình quân cho 20 năm đầu công tác							50.905,000		
3	1/2 tháng tiền lương có đóng BHXH từ năm 21 trở đi							61.086,000		
4	Tiền đóng cho cơ quan BHXH							0,000		
	SỐ TIỀN CÁ NHÂN HƯỞNG							249.435,000		

HỒ SƠ TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ

(Biểu dành cho cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã có tuổi thấp hơn tối đa đủ 10 tuổi và thấp hơn tối thiểu trên 05 tuổi so với tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội)

1	Họ và tên:	BẾ VĂN MÙI			Giới tính	Nam
2	Trình độ, chuyên ngành đào tạo:	Trung cấp Chăn nuôi - Thú y				
3	Chức danh, Chức vụ, đơn vị công tác:	Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường xã Liên Hội				
4	Ngày tháng năm sinh:	15-06-1969				
5	Số năm đóng BHXH:	26	năm	10	tháng;	Tính tròn: 27
6	Thời điểm nghỉ TGBC:				01-07-2024	
	Thời điểm nghỉ hưu đúng tuổi:				01-07-2031	
7	Số năm nghỉ hưu trước tuổi	0	Tháng	7	Năm	Trong khung NHTT và được hỗ trợ kinh phí
8	Số tháng lương được trợ cấp:	10,5				
9	Số năm đóng BHXH vượt 21 năm				7	
10	Tiền lương 60 tháng thực lĩnh trước khi tính giảm					

TT	Ngày tháng năm	Hệ số lương	Phụ cấp				Số tháng hưởng	Lương tối thiểu (1000 đồng)	Số tiền thực lĩnh/tháng (1000 đồng)	
			Chức vụ	Hệ số chênh lệch BL	Thâm niên vượt khung	Thâm niên nghề				
1	01-07-2023	3,26					12	1800	5.868,000	70.416,000
2	01-04-2023	3,26					3	1490	4.857,400	14.572,000
3	01-04-2021	3,06					24	1490	4.559,400	109.426,000
4	01-01-2020	2,86					15	1490	4.261,400	63.921,000
5	01-07-2019	2,86	0,30				6	1490	4.708,400	28.250,000
	Cộng						60			286.585,000
	Tiền lương tháng hiện hưởng							5.868,000	Lý do: Dôi dư do sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo Quyết định của cấp có thẩm quyền	
	Tiền lương tháng bình quân							4.776,000		
I	KINH PHÍ TÍNH GIẢN							90.744,000		
1	1,5 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm NHTT							50.148,000		
2	5 tháng tiền lương bình quân cho 20 năm đầu công tác							23.880,000		
3	1/2 tháng tiền lương có đóng BHXH từ năm 21 trở đi							16.716,000		
	SỐ TIỀN CÁ NHÂN HƯỞNG							90.744,000		

HỒ SƠ TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ

(Biểu dành cho cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã có tuổi thấp hơn tối đa đủ 10 tuổi và thấp hơn tối thiểu trên 05 tuổi so với tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội)

1

Họ và tên:

2

Trình độ, chuyên ngành đào tạo:

3

Chức danh, Chức vụ, đơn vị công tác:

4

Ngày tháng năm sinh:

5

Số năm đóng BHXH:

6

Thời điểm nghỉ TGBC:

7

Thời điểm nghỉ hưu đúng tuổi:

8

Số năm nghỉ hưu trước tuổi

9

Số tháng lương được trợ cấp:

10

Số năm đóng BHXH vượt 21 năm

11

Tiền lương 60 tháng thực lĩnh trước khi tính giản

VY THỊ BÔNG

Giới tính

Nữ

Cử nhân Kế toán

Công chức Tài chính - kế toán UBND xã Bình Phúc

01-11-1972

25

năm

10

tháng;

Tính tròn:

26

01-07-2024

01-08-2031

7

Năm

1

tháng

10,5

6

Trong khung NHTT và được hỗ trợ kinh phí

TT	Ngày tháng năm	Hệ số lương	Phụ cấp				Số tháng hưởng	Lương tối thiểu (1000 đồng)	Số tiền thực lĩnh/tháng (1000 đồng)	
			Chức vụ	Hệ số chênh lệch BL	Thâm niên vượt khung	Thâm niên nghề				
1	01-05-2024	4,32					2	1800	7.776,000	15.552,000
2	01-07-2023	3,99					10	1800	7.182,000	71.820,000
3	01-05-2021	3,99					26	1490	5.945,100	154.573,000
4	01-07-2019	3,66					22	1490	5.453,400	119.975,000
	Cộng						60			361.920,000
	Tiền lương tháng hiện hưởng						7.776,000			
	Tiền lương tháng bình quân						6.032,000			
I	KINH PHÍ TÍNH GIẢN						111.592,000			
1	1,5 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm NHTT						63.336,000			
2	5 tháng tiền lương bình quân cho 20 năm đầu công						30.160,000			
3	1/2 tháng tiền lương có đóng BHXH từ năm 21 trở đi						18.096,000			
	SỐ TIỀN CÁ NHÂN HƯỞNG						111.592,000			

Lý do: Dôi dư do sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo quyết định của cấp có thẩm quyền